TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 20/6/2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2023/TLST - HNGĐ ngày 14/12/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1989; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công H cưới nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 29/12/2014.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã T, huyện B đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Dù đã cố gắng vun đắp nhưng không thể hàn gắn. Nay chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh H không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H Có 01 con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 27/5/2016. Khi ly hôn, chị Bé B yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Công H vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Bé B; chị Bé B được ly hôn với anh Nguyễn Công H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 27/5/2016 cho chị Bé B nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Bé B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bé B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát

viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé B có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Công H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé B và anh H.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Bé B và anh H cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/12/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị B1 B và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn đến tháng 10 năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung; mỗi người đều có cuộc sống riêng; mặc dù đã có gắn vun đắp tình cảm nhưng không thành. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tạo mọi điều kiện hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh H vắng mặt tại các lần hòa giải cũng như xét xử không có lý do. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Bé B và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Bé B yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị B1 B và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 27/5/2016; hiện cháu V đang sống chung với chị Bé B. Xét yêu cầu nuôi con của chị Bé B. Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi vợ chồng chị B1 B và anh H sống ly thân, cháu V sống chung với chị Bé B, chị Bé B chăm sóc con vẫn tốt, đảm bảo đều kiện phát triển về vật chất và tinh thần cho cháu V. Do đó giao cháu V cho chị B1 B tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B1 B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bé B trình bày không có nên không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Bé B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé B. Chị Nguyễn Thị Bé B được ly hôn với anh Nguyễn Công H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 (Quyển số 01/2014) ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé B được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Khánh V, sinh ngày 27/5/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B1 B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Bé B trình bày không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Bé B phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000084 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bé B đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Bé B, anh Nguyễn Công H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu